

Bản án số: 87/2020/HSST
Ngày: 27/9/2020.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÙ ĐĂNG, TỈNH BÌNH PHƯỚC

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Lưu Thùy Linh

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Quang Liêu

Ông Nguyễn Mạnh Dũng

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Mạnh Hùng – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bù Đăng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bù Đăng tham gia phiên tòa: ông Dương Thế Nam - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 9 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bù Đăng, tỉnh Bình Phước mở phiên tòa xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số: 86/2020/HSST ngày 10 tháng 9 năm 2020. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 86/2020/QĐXXST – HS ngày 17 tháng 9 năm 2020 đối với bị cáo:

Họ và tên: **Nguyễn Văn P**, sinh năm 1969, tại tỉnh T.

Nơi cư trú: Thôn 3, xã B, huyện Đ, tỉnh P.

Giới tính: Nam, Quốc tịch: Việt Nam, Dân tộc: Kinh, Tôn giáo: Không. Nghề nghiệp: Làm rẫy, Trình độ học vấn: 7/12; con ông Nguyễn Văn M và bà Bùi Thị L; bị cáo có vợ là chị Trần Thị Y, có 02 người con, lớn nhất sinh năm 1993, nhỏ nhất sinh năm 1998. Tiền án: có 01; Ngày 15/10/2018, bị Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh P xử pK 01 năm tù về Tội tàng trữ trái phép chất ma túy. Ngày 12/5/2019 bị cáo đã chấp hành xong, nhưng chưa được xóa án tích; Tiền sự: Không; Bị can bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 17/6/2020 cho đến nay. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Bà Trần Thị Y, sinh năm 1971 (vắng mặt)

Nơi cư trú: thôn 3, xã B, huyện Đ, tỉnh P.

Người làm chứng:

Ông Lê Đức K, sinh năm 1956 (vắng mặt)

Nơi cư trú: thôn 4, xã B, huyện Đ, tỉnh P.

Anh Điều D, sinh năm 1999 (vắng mặt)

Nơi cư trú: thôn N, xã E, huyện Đ, tỉnh P.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 13 giờ 30 phút ngày 17/6/2020, Lê Đức K đến nhà Nguyễn Văn P ở thôn 3, xã B, huyện Đ, tỉnh P rủ P đi lên “Làng F” ở xã C, huyện Q, tỉnh A mua ma túy về sử dụng P đồng ý. Sau đó, P sử dụng xe mô tô biển kiểm soát 93P1-337.10 chở K đi lên khu vực làng F. Khi cả hai đi đến xã E thì K đưa cho P 100.000 đồng. Tới “Làng F”, K ở ngoài giữ xe, còn P đi bộ vào trong làng gặp một người đàn ông người F (không rõ nhân thân lai lịch) mua của người này một gói ma túy loại heroin với số tiền 100.000 đồng. Sau khi mua xong, P lấy gói nylon chứa ma túy vừa mua được chia làm hai và dùng giấy gói ở bên ngoài, P đưa cho K một gói, còn một gói P cất vào trong ống hút xăng để trong cốp xe rồi chở K về. Khi cả hai về đến thôn Đ, xã E, huyện Đ thì cả bị Công an kiểm tra bắt giữ lập biên bản phạm tội quả tang người cùng tang vật.

Tại bản giám định số 141/2020/GĐ-MT ngày 24/6/2020 của phòng Kỹ thuật hình sự - Công an tỉnh P, kết luận chất màu trắng có trong 01 gói nylon (ký hiệu M1 có chữ ký của Nguyễn Văn P) được niêm P gửi giám định là Ma túy, loại Heroin, có khối lượng 0,0423 gam;

Chất màu trắng có trong 01 gói nylon (ký hiệu M2 có chữ ký của Lê Đức K) được niêm P gửi giám định là Ma túy, loại Heroin, có khối lượng 0,0316 gam.

Tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị can thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải.

Tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Không.

Về vật chứng vụ án: Xe mô tô biển số 93P1 –337.10 xác định là tài sản của bà Trần Thị Y là vợ của Nguyễn Văn P. Ngày 17/6/2020 P lấy xe đi mua ma túy bà Y không biết, nên ngày 29/8/2020 Cơ quan CSĐT – Công an huyện Bù Đăng, đã trả lại cho chủ sở hữu là bà Y.

Đối với số ma túy mang đi giám định được niêm P số 141 của phòng Kỹ thuật hình sự - Công an tỉnh Bình Phước, do đã giám định hết nên không đề cập xử lý.

Tại bản Cáo trạng số: 92/CT –VKS ngày 10/9/2020 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Bù Đăng truy tố bị cáo Nguyễn Văn P về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” theo điểm a khoản 1 Điều 249 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát khẳng định nội dung bản cáo trạng của Viện kiểm sát là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng quy định của pháp luật, vì vậy đại diện Viện kiểm sát giữ nguyên nội dung bản cáo trạng đã truy tố. Về tội danh đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo Nguyễn Văn P phạm tội “Tàng trữ

trái phép chất ma túy”; về hình phạt áp dụng điểm a khoản 1 Điều 249, điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 38 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn P từ 12 đến 15 tháng tù.

Về vật chứng vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận việc xử lý vật chứng của Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Bù Đăng.

Về án phí buộc bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo luật định.

Bị cáo Nguyễn Văn P thừa nhận hành vi phạm tội như nội dung bản cáo trạng Viện kiểm sát đã truy tố, không có ý kiến tranh luận về tội danh, hình phạt và các vấn đề khác đối với đại diện Viện kiểm sát.

Lời nói cuối cùng của bị cáo Nguyễn Văn P: Bị cáo biết hành vi của mình là vi phạm pháp luật. Xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng: Hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan Điều tra Công an huyện Bù Đăng, Viện kiểm sát nhân dân huyện Bù Đăng trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng Hình sự. Quá trình điều tra không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện hợp pháp.

[2] Về hành vi phạm tội của bị cáo: Khoảng 13 giờ 30 phút ngày 17/6/2020, Nguyễn Văn P điều khiển xe mô tô biển số 93P1- 337.10 chở Lê Đức K đi lên “Làng F” thuộc xã C, huyện Q, tỉnh Đắk Nông mua ma túy với số tiền 100.000 đồng về sử dụng. Khi mua ma túy xong P chở K về tới khu vực thôn Đ, xã E, huyện Đ, tỉnh P thì bị lực lượng công an kiểm tra, bắt quả tang, thu giữ 02 gói nylon là ma túy, loại Heroin có tổng trọng lượng 0,0739 gam. Tuy trọng lượng ma túy các đối tượng tàng trữ chưa đủ định lượng theo quy định của pháp luật, nhưng do P đã bị kết án về Tội tàng trữ trái phép chất ma túy, chưa được xóa án tích mà còn vi phạm nên bị xử lý về hình sự.

Từ phân tích trên Hội đồng xét xử xét thấy có đủ cơ sở khẳng định hành vi của bị cáo Nguyễn Văn P đã phạm vào tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”, quy định tại điểm a khoản 1 Điều 249 của Bộ luật hình sự năm 2015.

Như vậy, nội dung bản cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Bù Đăng truy tố bị cáo là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

Đánh giá tính chất, mức độ phạm tội của bị cáo là nghiêm trọng, gây nguy hại cho xã hội, xâm phạm đến chính sách độc quyền quản lý của Nhà nước về

chất ma túy, làm mất trật tự trị an tại địa phương. Bị cáo là người có đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự. Tuy nhiên do bị cáo có lối sống buông thả, dẫn đến nghiện ma túy nên mặc dù nhận thức rõ được mọi hành vi liên quan đến ma túy là vi phạm pháp luật, là nguyên nhân có thể gây ra nhiều loại tội phạm và tệ nạn xã hội khác nhưng vẫn cố ý thực hiện hành vi phạm tội.

[3] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự quy định tại Điều 52 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017. Tuy nhiên, bị cáo từng bị xử phạt tù cũng về hành vi tàng trữ trái phép chất ma túy, bị cáo đã chấp hành xong hình phạt nhưng bị cáo không lấy đó làm bài học cho bản thân mà tiếp tục thực hiện hành vi, vi phạm pháp luật thể hiện bị cáo có nhân thân xấu.

[4] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình nên bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ Luật Hình sự 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

Sau khi cân nhắc mức độ hành vi phạm tội, nhân thân của bị cáo và tình tiết giảm nhẹ mà bị cáo được hưởng, Hội đồng xét xử thấy cần xử bị cáo một mức án tương xứng với hành vi phạm tội để giáo dục, răn đe bị cáo và phòng ngừa chung trong xã hội.

[5] Về vật chứng vụ án: Căn cứ Khoản 1 Điều 47, Khoản 1 Điều 48 Bộ Luật Hình sự, Điều 106 Bộ luật tố tụng Hình sự 2015. Xét thấy việc xử lý vật chứng của cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Bù Đăng giao trả xe mô tô biển số 93P1 –337.10 cho chủ sở hữu hợp pháp là bà Trần Thị Y là có căn cứ cần chấp nhận.

[6] Về án phí: Buộc bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định tại Điều 136 của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015 và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Đối với Lê Đức K là người rủ P đi mua ma túy, tuy nhiên do khối lượng ma túy chỉ có 0,0739 gam và K chưa bị xử phạt vi phạm hành chính hay bị kết án về hành vi liên quan đến ma túy, nên Cơ quan CSĐT Công an huyện đã ra quyết định xử phạt hành chính đối với K là đúng quy định của pháp luật.

Đối với người đàn ông bán ma túy cho P, không xác định được nhân thân, lý lịch, nên không có căn cứ xử lý.

Đối với bà Trần Thị Y việc bị cáo sử dụng xe xe mô tô biển số 93P1 –337.10 để chở ma túy, bà Y không biết, không giao xe cho bị cáo nên không có căn cứ để xử lý.

Quan điểm xử lý vụ án của Đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa về hình phạt là có căn cứ được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

[1] Về tội danh và hình phạt: Tuyên bố bị cáo Nguyễn Văn P phạm tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”.

Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 249, điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 38 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn P 01 (một) năm tù, thời hạn tù tính từ ngày 17/6/2020.

[2] Về vật chứng vụ án: Căn cứ vào khoản 1 Điều 47, khoản 1 Điều 48 Bộ luật hình sự, Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015.

Chấp nhận việc xử lý vật chứng của cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Bù Đăng; giao trả xe mô tô biển số 93P1 –337.10 cho chủ sở hữu hợp pháp là bà Trần Thị Y.

[3] Về án phí: Áp dụng Điều 136 của Bộ luật tố tụng hình sự 2015, Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án. Bị cáo Nguyễn Văn P phải nộp 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

[4] Quyền kháng cáo bản án: Bị cáo có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa, có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Phước;
- Viện kiểm sát ND tỉnh Bình Phước.
- Sở tư pháp tỉnh Bình Phước;
- Công an tỉnh Bình Phước;
- VKSND huyện Bù Đăng;
- CCTHADS huyện Bù Đăng;
- Người tham gia tố tụng;
- Lưu HS.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Lưu Thùy Linh